

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST.

Ngày: 04/7/2024.

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Đoán và ông Trần Xuân Tạo.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Gio Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST - DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1968 và bà Phan Thị L, sinh năm 1971, có mặt.

Đều trú tại địa chỉ: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bị đơn: ông Trần Văn L1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: khu phố F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2024, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/10/2023, nguyên đơn có bán S và T cho ông Trần Văn L1 với số tiền 105.448.000 đồng, theo Giấy xác nhận công nợ ngày 25/10/2023, có chữ ký của ông Trần Văn L1. Ông Trần Văn L1 cam kết đến ngày 05/11/2023 sẽ thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K và bà Phan Thị L. Từ lúc mua cho tới nay, mặc dù nguyên đơn đã yêu cầu ông L1 phải thanh toán bộ số tiền mua bán tài sản nhưng ông L1 vẫn không thực hiện. Vì vậy, ngày 20/02/2024, ông Nguyễn Ngọc K và bà Phan Thị L

làm Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **Trần Văn L1** trả cho nguyên đơn số tiền mua Sắt và **T** là 105.448.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông **Trần Văn L1** và niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng ông **Trần Văn L1** không có ý kiến liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn cũng như không tham gia vào các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; người tham gia tố tụng là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trong quá trình tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: áp dụng các Điều 119, 430, 440 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 105.448.000 đồng. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp*: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **Trần Văn L1** trả số tiền mua **S** và **T** là 105.448.000 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: tại thời điểm xác lập giao dịch hợp đồng mua bán tài sản, ông **Trần Văn L1** có chỗ ở tại khu phố F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị và tại thời điểm Tòa án thụ lý ông **Trần Văn L1** có mặt tại địa phương. Từ ngày 03/4/2024 đến nay, ông **L1** không có mặt tại địa phương. Quá trình xác minh, ông **Trần Văn L1** đã đi khỏi nơi cư trú hiện không có mặt tại địa phương. Như vậy, bị đơn ông **Trần Văn L1** thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới. Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý giải quyết là đúng quy định theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thủ tục tố tụng*: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh đã cấp tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. *Về nội dung vụ án*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo nội dung Giấy xác nhận công nợ đề ngày 25/10/2023 thì: ngày 25/10/2023 ông **Trần Văn L1** mua sắt và tôn của ông **Nguyễn Ngọc K** và bà **Phan Thị L** với số tiền là 105.448.000 đồng và thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 05/11/2023. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán ông **Trần Văn L1** không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền mua tài sản là 105.448.000 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Tòa án nhân dân huyện Gio Linh đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý cho ông **Trần Văn L1**, tuy nhiên đã hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án, bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau đó đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn được biết. Bị đơn ông **Trần Văn L1** đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông **L1** không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 BLTTDS xác định là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Ông **L1** đã nhận đủ tài sản nhưng vẫn không thanh toán tiền cho ông **K** và bà **L** là vi phạm nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: phía nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp;

Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền mua **S** và **T** là 105.448.000 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

[5]. Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và khoản 2 Điều 192; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 431, 433, 434 và 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 ; khoản 2 Điều 2 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn ông **Trần Văn L1** phải trả cho nguyên đơn ông **Nguyễn Ngọc K** và bà **Phan Thị L** số tiền là 105.448.000 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) theo Giấy xác nhận công nợ đề ngày 25/10/2023.

[2] Về án phí:

Bị đơn ông **Trần Văn L1** phải chịu 5.272.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông **Nguyễn Ngọc K** và bà **Phan Thị L** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.636.200 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023 số 0000119 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Gio Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tạ Thanh Tuấn

